TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS-ST
Ngày: 17-10-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền

2/ Ông Phạm Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2018/TLST – DS, ngày 26/7/2018, về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2018/QĐXX – ST, ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: ấp 3, xã T, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: khu phố 5, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Văn bản ủy quyền đề ngày 17/8/2018.

2. Bị đơn:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T: Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Văn bản ủy quyền đề ngày 10/9/2018.

Ông Ph, chị Ng cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2018, đơn xin sửa chữa nội dung khởi kiện ngày 10/9/2018 của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Kh, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ph trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Từ tháng 03/2016 đến tháng 4/2018, ông Nguyễn Duy Kh có bán thức ăn chăn nuôi cho chị Nguyễn Thị Hồng Ng và bà Phạm Thị T. Bên ông Kh giao, bên chị Ng và bà T nhận, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán gối đầu nhận chuyến hàng mới thì thanh toán chuyến hàng trước (thời hạn khoảng 15 ngày mỗi chuyến). Trong quá trình thực hiện, bà T và chị Ng nhiều lần không thực hiện đúng thỏa thuận nên kể từ tháng 5/2018, ông Kh không bán thức ăn cho bà T, chị Ng nữa.

Khi khởi kiện, ông Kh yêu cầu bà T và chị Ng liên đới trả tiền gốc là 189.391.000 đồng. Nay 02 bên đối chiếu lại và thống nhất số tiền còn thiếu là 160.908.000 đồng, ông Kh yêu cầu bà T và chị Ng liên đới trả số tiền này, đồng thời trả lãi mức 1.125%/tháng từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử là 6.758.125 đồng, tổng cộng là 167.666.125 đồng. Đối với số tiền chênh lệch nêu trong đơn khởi kiện và số tiền gốc thực tế phải trả là 28.483.000 đồng, ông Kh xin rút lại.

Trình bày thêm, lúc bán thức ăn chăn nuôi cho bà T và chị Ng, ông Kh đang là Phó giám đốc của 01 công ty thức ăn chăn nuôi, mua thức ăn chăn nuôi của công ty bán lại kiếm tiền lời nên cá nhân ông Kh không có đăng ký kinh doanh.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng Ng (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị T) trình bày:

Chị Ng thống nhất đến ngày 25/6/2018, còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông Kh với số tiền 160.908.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này thuộc trách nhiệm trả của bà T là mẹ của chị Ng, riêng cá nhân chị Ng hoàn T không có thỏa thuận giao dịch gì với ông Kh nên không có trách nhiệm cùng bà T liên đới trả nợ.

Chị Ng thừa nhận chị có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, địa điểm hoạt động tại ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Trước đây bà T đứng tên đăng ký kinh doanh nhưng vào năm 2015 đã chuyển giấy phép cho chị Ng đứng tên để dễ hoạt động do mẹ của chị lớn tuổi, đi lại khó khăn. Chị Ng để cho mẹ trực tiếp quản lý cửa tiệm, chị quản lý đối chiếu sổ sách.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra chứng chứng và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử,

Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng Ngêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền gốc. Đối với tiền lãi tính mức 0.83%/tháng theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Ngên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Nguyễn Duy Kh, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"; trong đó xác định ông Nguyễn Duy Kh là nguyên đơn (do ông Nguyễn Văn Ph là người đại diện theo ủy quyền), bà Phạm Thị T và chị Nguyễn Thị Hồng Ng là bị đơn (chị Ng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

* Về số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi (tiền gốc) ông Kh yêu cầu là 160.908.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền chênh lệch nêu trong đơn khởi kiện và số tiền gốc thực tế phải trả là 28.483.000 đồng, ông Kh rút yêu cầu nên đình chỉ theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, phía bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng Ng (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T) thừa nhận số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu lại ông Kh là 160.908.000 đồng. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận, ông Kh không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, về trách nhiệm trả số tiền này, các bên không thống nhất, cụ thể: Phía nguyên đơn yêu cầu trách nhiệm liên đới của chị Ng và bà T. Phía chị Ng không đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ, cho rằng trách nhiệm trả tiền là của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi lấy lời khai, bà T cho rằng còn thiếu lại ông Kh 164.153.000 đồng, bà và chị Ng đồng ý trả.

Tại phiên tòa, chị Ng thừa nhận bà T là mẹ của chị là người hiện đang trực tiếp đứng ra bán thức ăn chăn nuôi cho hộ kinh doanh cá thể do chị làm chủ hộ đăng ký kinh doanh; thừa nhận trên thực tế kinh doanh chung của 02 mẹ con do trước đây mẹ của chị đứng tên đăng ký kinh doanh nhưng hiện nay vì bà T lớn tuổi nên sang tên cho chị; thừa nhận tiền bán thức ăn chăn nuôi thu được là sử dụng chung; chị Ng cho rằng đại lý của chị chỉ ký hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi với Công ty TNHH chăn nuôi TĂGS T nhưng cũng thừa nhận trên thực tế đại lý của chị mà trực tiếp là mẹ của chị mua vào và bán ra nhiều loại thức ăn chăn nuôi, để

chung một địa điểm, không phân ra từng loại; thừa nhận khi bán ra và thu tiền về là thu chung, không phân biệt lấy thức ăn chăn nuôi của ai về bán lại, không phân biệt khách hàng nào là khách hàng mua thức ăn chăn nuôi của Công ty T, khách hàng nào mua thức ăn chăn nuôi do bà T mua của ông Kh tức khách hàng cần mua thức ăn chăn nuôi loại nào thì bán loại đó; chị Ng cũng thừa nhận, trong thời gian qua, nhiều khách hàng mua thức ăn chăn nuôi từ đại lý của chị không trả tiền, chị là người trực tiếp đứng tên khởi kiện để yêu cầu trả tiền cho chị, trong đó không phân biệt số tiền còn thiếu là từ việc bán loại thức ăn chăn nuôi được lấy từ Công ty T hay lấy từ ông Kh.

Do đó, xét việc bà T trực tiếp giao kết hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi với ông Kh là thực hiện công việc cho hộ kinh doanh của chị Ng, sử dụng địa điểm đăng ký kinh doanh của chính chị Ng để thực hiện việc mua bán thức ăn chăn nuôi (mua từ ông Kh, bán lại cho khách hàng của đại lý chị Ng). Bà T chỉ là người đứng ra giao dịch trực tiếp với ông Kh, còn người phải có trách nhiệm trả nợ chính là chủ hộ kinh doanh cá thể. Việc chị Ng cho rằng hoàn T không biết sự việc mẹ của chị mua thức ăn chăn nuôi từ ông Kh và bán lại là không có căn cứ. Bởi việc mua bán diễn ra trong một thời gian dài, tại địa điểm chị Ng đăng ký kinh doanh, do chính mẹ của chị Ng là người được chị giao trực tiếp quản lý cửa tiệm, có sổ sách theo dõi, có quá trình giao nhận tài sản và trả tiền. Nếu cho rằng không biết thì đó chính là lỗi của cá nhân chị Ng do sơ suất trong khâu quản lý, kiểm tra sổ sách mua – bán, kiểm tra việc thu - chi. Mặc khác, việc mua bán thức ăn chăn nuôi này, bên mua không phải về trực tiếp sử dụng cho việc chăn nuôi mà dùng bán lại có lời, số tiền lời từ việc bán thức ăn chăn nuôi này sẽ thuộc về chủ hộ đăng ký kinh doanh (còn việc thỏa thuận riêng (nếu có) giữa chị Ng và mẹ của chị là bà T là một giao dịch khác). Do đó, đi đôi với quyền lợi là trách nhiệm của chủ hộ đăng ký kinh doanh trong việc giao kết, xác lập, thực hiện các giao dịch. Cụ thể là theo quy định tại Điều 66 Nghị định 78/2015/NĐ-CP hướng dẫn về thủ tục đăng ký kinh doanh của Luật doanh Ngệp 2014 có nêu: *"1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới mười lao động và chịu trách nhiệm bằng T bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh... Chủ hộ kinh doanh sẽ là đối tượng duy nhất có quyền hưởng mọi lợi nhuận và chịu mọi nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước"*.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định nghĩa vụ chính của việc trả tiền cho ông Kh thuộc về chị Ng là chủ hộ đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, do bà T cùng kinh doanh chung với chị Ng và đồng ý cùng chị Ng trả tiền nên buộc trách nhiệm liên đới của cả hai đối với số tiền nêu trên là phù hợp.

* Về tiền lãi chậm trả, trong đơn khởi kiện, yêu cầu tính lãi 1,125%/tháng từ ngày 25/6/2018 đến ngày Tòa án xét xử với số tiền lãi là 6.758.125 đồng, làm tròn 6.758.000 đồng.

Xét thấy, khi thỏa thuận mua bán tài sản, các bên không thỏa thuận mức lãi. Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương tứng*

với thời gian chậm trả. 2. Lãi phát sinh do chậm trả... nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Tại khoản 2 Điều 468 quy định: *"... lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".* Do phía bị đơn có lỗi trong việc chậm trả tiền nên buộc chịu tiền lãi chậm trả là đúng. Phía bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm hợp đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Thời điểm trả cuối cùng là 25/6/2018, các bên đều thống nhất nên được xác định đây là thời điểm bắt đầu phát sinh nghĩa vụ chịu lãi quá hạn của phía bị đơn.

Về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là vượt quá quy định (do không có thỏa thuận mức lãi nên mức lãi theo quy định là 10%/năm của khoản tiền nợ gốc, tức bằng 0,83%/tháng). Lãi quá hạn được tính như sau: Số tiền gốc là 160.908.000 đồng x 0,83%/tháng x số tháng quá hạn là 03 tháng 20 ngày (tính từ ngày 25/6/2018 đến ngày 15/10/2018) = 4.896.966 đồng, làm tròn là 4.897.000 đồng. Bác số tiền yêu cầu tính lãi của ông Kh là: 6.758.000 đồng – 4.897.000 đồng = 1.861.000 đồng.

Như vậy vốn và lãi mà chị Ng và bà T cùng liên đới trả cho ông Kh là 165.805.000 đồng.

Tại Tòa, chị Ng đề nghị trả dần tiền vốn, phía nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy do các bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ nên không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, chỉ buộc chị Ng và bà T liên đới trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn thiếu cho ông Kh khi bản án có hiệu lực pháp luật. Còn về thời gian và cách thức trả số tiền nêu trên sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

[3[. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Chị Ng và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả. Ông Kh phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bị bác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 66 Nghị định 78/2015/NĐ-CP hướng dẫn về thủ tục đăng ký kinh doanh của Luật doanh Ngệp 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Kh về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng Ng, bà Phạm Thị T liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1/ Đình chỉ việc giải quyết đối với số tiền chênh lệch 28.483.000 đồng (được nêu trong đơn khởi kiện và số tiền gốc thực tế phải) do nguyên đơn rút đơn.

2/ Bác 01 phần yêu cầu tính lãi quá hạn của ông Nguyễn Duy Kh với số tiền là 1.861.000 đồng.

3/ Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Ng và bà Phạm Thị T liên đới trả cho ông Nguyễn Duy Kh số tiền mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) còn thiếu là 165.805.000 đồng. Trong đó: tiền vốn là 160.908.000 đồng; tiền lãi chậm trả từ (tính từ ngày 25/6/2018 đến ngày 15/10/2018) là 4.897.000 đồng.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 8.290.000 đồng, buộc chị Nguyễn Thị Hồng Ng và bà Phạm Thị T liên đới chịu.

Ông Nguyễn Duy Kh phải chịu: 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.001.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018804, ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Duy Kh được hoàn trả 4.701.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP